

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC/ MÔ ĐUN

Lớp: **TBV24B3**

Năm học: **24-25**

Mã MH/MĐ: **MH04217**

Học kỳ: **02**

Tên MH/MĐ: **Sử dụng thuốc bảo vệ thực vật**

Số TC: **4**

STT	MSHS	Họ tên		Ngày sinh	Hệ số 1				Hệ số 2				Thi L1	Thi L2	ĐMH/ MĐ
1	2456201160281	Nguyễn Thị Kim	Anh	09/05/2009				9	9.0	8.0	10.0	8.0	6.5		7.4
2	2456201160282	Nguyễn Hồ Trọng	Duy	24/10/2009				8	8.0	6.0	9.0	7.0	9.5		8.7
3	2456201160283	Lâu Xuân	Đào	22/03/2009				0	0.0	0.0	0.0	0.0	CT		0.0
4	2456201160285	Phạm Quốc	Hào	31/07/2009				9	10.0	8.0	9.0	5.0	7.5		7.7
5	2456201160286	Trần Thị Nhựt	Huỳnh	26/03/2009				9	10.0	9.0	9.0	9.0	6.5		7.6
6	2456201160287	Nguyễn Thanh	Khởi	11/11/2009				7	8.0	6.0	9.0	7.0	6.5		6.9
7	2456201160289	Nguyễn Hoàng	Luật	04/09/2009				8	8.0	6.0	6.0	7.0	0.0		2.8
8	2456201160290	Huỳnh Thị Cẩm	Ly	11/01/2009				9	9.0	9.0	10.0	9.0	10.0		9.7
9	2456201160291	Nguyễn Phạm Trà	Mi	11/01/2009				9	9.0	9.0	9.0	8.0	10.0		9.5
10	2456201160293	Nguyễn Hoàng	Nam	13/03/2009				7	8.0	9.0	8.0	7.0	7.5		7.7
11	2456201160294	Trần Bảo	Nam	30/12/2008				7	6.0	9.0	5.0	7.0	0.0		2.7
12	2456201160295	Trần Quốc	Nam	26/03/2008				9	10.0	8.0	9.0	7.0	10.0		9.4
13	2456201160296	Nguyễn Thị Ngọc	Ngân	15/12/2009				9	10.0	10.0	9.0	8.0	9.5		9.4
14	2456201160297	Nguyễn Cao Minh	Nhật	18/05/2009				7	8.0	9.0	8.0	6.0	10.0		9.1
15	2456201160298	Trần Thị Yến	Nhi	28/06/2009				9	10.0	10.0	9.0	9.0	5.5		7.1
16	2456201160299	Võ Thảo	Nhi	18/10/2008				9	9.0	9.0	8.0	8.0	10.0		9.4
17	2456201160300	Đồng Thị Huỳnh	Như	04/10/2009				9	9.0	9.0	10.0	9.0	10.0		9.7
18	2456201160303	Bùi Đức	Quy	16/09/2009				9	10.0	9.0	9.0	8.0	10.0		9.6
19	2456201160304	Nguyễn Thị Bảo	Quyên	16/01/2009				9	10.0	9.0	10.0	8.0	10.0		9.7
20	2456201160306	Trần Quốc	Thái	18/04/2009				9	10.0	10.0	9.0	9.0	9.0		9.2
21	2456201160896	Đoàn Văn	Đặng	23/05/2009				7	8.0	9.0	9.0	7.0	8.0		8.0

Châu Đốc, ngày 30 tháng 6 năm 2025

TP. Đào tạo

Giáo viên giảng dạy

Ths. Trần Thanh Dũng

Trần Thanh Tùng